TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121**/2022/HS-ST
Ngày 18-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VT, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Lê Văn Khoe

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Thơ- Kiểm sát viên.

Ngày18 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 87/2022/HSST ngày 15 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Phan Hoàng L (Tên gọi khác: T), sinh năm 1992 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Số A đường B, Phường B, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Hoàng L (đã chết) và bà Phan Thị D (sinh năm 1966); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 20-5-2008, bị Toà án nhân dân thành phố VT xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 160/2008/HSST.

- Ngày 03-4-2012, bị Toà án nhân dân thành phố VT xử phạt 42 tháng tù giam về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 47/2012/HSST , đã nộp án phí và chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 08/3/2014.

- Ngày 29-9-2016, bị Toà án nhân dân thành phố VT xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 240/2016/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/10/2017.

- Ngày 29-5-2019, bị Tòa án nhân dân thành phố VT áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 19 tháng theo Quyết định số 176/2019/QĐ-TA.

Bị bắt ngày 05 tháng 02 năm 2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố VT. (có mặt)

2. Trần Thị Th H, sinh năm 1989 tại Tiền Giang; Hộ khẩu thường trú: ấp Tt, xã TTh, huyện Tân PhĐ, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá:

02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Trần Văn PH (đã chết) và bà Phạm Thị M (đã chết); Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt ngày 05 tháng 02 năm 2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố VT. (có mặt)

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: Phòng B chung cư BMH, siêu thị C, Phường B, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Phạm Tuấn A, sinh năm 1994; địa chỉ: Số B đường NHC, Phường M, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Anh Đặng Thành Ph, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B Khu N, Phường B, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Ông Bùi Ngọc Th, sinh năm 1962; địa chỉ: Số B đường BG, phường NAN, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

- Anh Hà Văn Th1, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ MM, ấp TL, xã AĐ, huyện BC, tỉnh B Dương. (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 4 đường BG, phường NAN, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

- Anh Hà Văn N; địa chỉ: Số S đường BG, Phường T, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Anh Lê Minh Gi, sinh năm 1989; địa chỉ: Số HN đường NTT, Phường H, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 01/2022, Phan Hoàng L cùng với Trần Thị Th H đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố VT. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tối ngày 04/7/2021, L chở H bằng xe máy hiệu Wave (không rõ biển số, xe do L mua trước đó) đến khu vực chung cư Số HM tầng H, Phường B, thành phố VT phát hiện xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ – đen, biển số 37B1 – 631.13, số khung: BY - 636917, số máy: 5C64 – 636929 của chị Nguyễn Thị L (sinh năm: 1986; trú tại: chung cư Số HM tầng H, Phường B, thành phố VT) đang để tại lối ra vào của sảnh B của chung cư, không có người trông coi. H ngồi trên xe Wave để cảnh giới cho L tiếp cận chiếc xe Yamaha Sirius dùng đoản bẻ khóa nổ máy xe rồi cùng H tẩu thoát. Sau đó, L kiểm tra phát hiện trong cốp xe có chứng nhận đăng ký xe trên nên L và H mang bán chiếc xe Yamaha Sirius này cho Lê Minh Gi (sinh năm: 1989; trú tại: Số HN đường NTT, Phường H, thành phố VT) với số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng). Hiện chiếc xe máy và giấy chứng nhận đăng ký mà chị L bị chiếm đoạt Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Theo kết luận định giá số 32/KL-HĐĐG-TTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định giá trị chiếc xe Yamaha Sirius biển số 37B1-631.13 chị L bị chiếm đoạt có giá trị 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 17 giờ ngày 12/10/2021, L chở H bằng xe máy hiệu Wave (không rõ biển số) đến khu vực chung cư P ở địa chỉ Số H đường L, Phường T, thành phố VT thì phát hiện chiếc xe máy hiệu Honda Air Blade màu trắng-đỏ-bạc, biển số 72D1-037.18, số khung: 2701BY765339, số máy: F27E 0839531 của anh Nguyễn Phạm Tuấn A (sinh năm: 1994; trú tại: Số B đường NHC, Phường M, thành phố VT) để ở ngoài khu vực cửa chung cư, không có người trông coi. H cảnh giới cho L dùng đoản bẻ khóa lấy xe rồi cùng nhau tẩu thoát. Sau đó, L kiểm tra cốp xe thì thấy có giấy chứng nhận đăng ký xe trên và 02 tai nghe Bluetooth, cả hai bán 02 tai nghe Bluetooth cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 1.000.000đ (một triệu đồng). Chiếc xe Honda Airblade biển số 72D1-037.18, L mang đến tiệm cầm đồ Hải N, địa chỉ: Số S đường BG, Phường T, thành phố VT của ông Hà Văn N (sinh năm: 1968; trú tại: Số S đường BG, Phường T, thành phố VT) cầm với giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Hiện chiếc xe và giấy tờ xe cơ quan điều tra đã thu giữ.

Theo kết luận định giá số 33/KL-HĐĐG-TTHS của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định tổng giá trị tài sản anh Tuấn A bị chiếm đoạt là 11.300.000đ (Mười một triệu ba trăm ngàn đồng).

Vụ thứ ba: Vào khoảng 18 giờ ngày 14/10/2021, cả hai điều khiển xe máy hiệu Wave (không rõ biển số) đến khu chung cư NT, Phường B, thành phố VT thì phát hiện chiếc xe máy Honda Wave màu đỏ-đen-bạc, biển số 62K3- 9872, số khung: 9006Y - 464333, số máy: C09E - 6464366 của anh Đặng Thành Ph (sinh năm: 1973; trú tại:K5T, Phường B, thành phố VT) để ở lối đi cầu thang dãy B4 thuộc khu 5 tầng không có người trông coi. H cảnh giới cho L dùng đoản bẻ khóa lấy trộm xe rồi cùng nhau điều khiển xe đến thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bán cho Định (không rõ lai lịch) với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu năm đồng). Chiếc xe không thu hồi được, cơ quan Công an đã ra thông báo truy tìm xe.

Theo kết luận định giá số 29/KL-HĐĐG-TTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định giá trị chiếc xe Honda Wave 62K3-9872 anh Ph bị chiếm đoạt có giá trị 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ tư: Vào khoảng 16 giờ 35 phút ngày 11/11/2021, L và H điều khiển xe máy hiệu Wave (không rõ biển số) đến khu chung cư Copmart, Phường B, thành phố Vũng Tàu thì phát hiện chiếc xe máy hiệu Exciter màu đen-xanh, biển số 72L5-8506 của anh Bùi Ngọc Th (sinh năm: 1962, trú tại: Số B đường BG, phường NAN, thành phố VT) để ở lối ra vào thuộc Lô A của chung cư, trên xe cắm sẵn chìa khóa, không có người trông coi. H tiếp tục cảnh giới cho L mở khóa lấy xe và cùng nhau đến thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bán cho Định (không rõ lai lịch) với số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng). Hiện chiếc xe không thu hồi được, cơ quan Công an đã ra thông báo truy tìm xe.

Theo kết luận định giá số 02/KL-HĐĐG-TTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định giá trị chiếc xe Exciter biển số 72L5-8506 anh Th1 bị chiếm đoạt có giá trị 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ năm: Vào khoảng 17 giờ ngày 30/12/2021, L và H điều khiển xe máy hiệu Mio biển số 72K8 – 5974 đến khu vực chung cư S, Phường M, thành phố VT thì phát hiện chiếc xe máy hiệu Honda WaveS màu đen – xám, biển số 37V3 – 3901, số khung: XAY 015809, số máy: C43E – 1221286 của anh Hà Văn Th1 (sinh năm: 1989, trú tại: Tổ MH, ấp TL, xã AĐ, huyện BC, tỉnh B Dương) để ở lối ra vào khu vực cầu thang của chung cư, không có người trông coi. H cảnh giới, L dùng đoản bẻ khóa lấy xe và cùng nhau mang xe trộm cắp đến thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu bán cho Định (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 3.000.000đ (Ba triệuđồng). Chiếc xe hiện không thu hồi được, cơ quan Công an đã ra thông báo truy tìm xe.

Theo kết luận định giá số 30/KLĐG-HĐĐG-TTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định giá trị chiếc xe Honda Wave S anh Th1 bị chiếm đoạt có giá trị 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ sáu: Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 10/01/2022, L và H tiếp tục điều khiển xe máy hiệu Mio biển số 72K8 – 5974 đến khu chung cu 5 tầng, Phường B, thành phố VT thì phát hiện chiếc xe máy hiệu Honda Future màu đỏ - đen - bạc, biển số 72C1-403.89, số khung: 304CY - 039992, số máy: C53E - 0040026 của chị Nguyễn Thị B (sinh năm: 1982, trú tại: Số B đường BG, phường NAN, thành phố VT) để trước dãy nhã A17 thuộc khu 5 tầng, không có người trông coi. H cảnh giới cho L dùng đoản bẻ khóa lấy xe rồi cùng nhau tẩu thoát. Sau đó, L phát hiện trong cốp xe có 01 Căn cước công dân và 02 thẻ ATM mang tên chị Nguyễn Thị B. Thấy không có giá trị sử dụng nên đã vứt 02 thẻ ATM, còn căn cước công dân của chị B thì L giữ lại mang theo trong người và cả hai điều khiển xe máy trên đến thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT bán cho Định (không rõ lai lịch) với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Hiện Cơ quan điều tra đã thu giữ được căn cước công dân của chị B, không thu hồi được xe, đã ra thông báo truy tìm xe.

Theo kết luận định giá số 31/KL-HĐĐG-TTHS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định giá trị xe máy hiệu Honda Future màu đỏ - đen - bạc, biển số 72C1 - 403.89, số khung: 304CY - 039992, số máy: C53E - 0040026 là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Tại Cơ quan Công an, Phan Hoàng L, Trần Thị Th H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như vừa nêu trên. (Bút lục điều tra từ số 84 đến số 97 và từ số 111 đến số 124)

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng trong vụ án:

- 01 (Một) xe máy hiệu Honda Air Blade màu trắng - đỏ - bạc, biển số 72D1-037.18, số khung: 2701BY765339, số máy: F27E 0839531; Giấy chứng nhận đăng ký xe 72D1– 037.18. Cơ quan CSĐT ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe và giấy chứng nhận trên cho anh Nguyễn Phạm Tuấn A

- 01 (Một) xe máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 37B1 - 631.13, số khung BY - 636917, số máy 5C64 – 636929. Cơ quan CSĐT ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy trên cho chị Nguyễn Thị L

- 01 (Một) căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị B. Cơ quan CSĐT ra quyết định xử lý vật chứng trả lại

- 01 (Một) xe máy hiệu Mio màu đen biển số 72K8 – 5974, số khung: RLCM5WP90 6Y008552, số máy: 5WP9-008552 do L mua lại của Nguyễn Minh Khan, anh Khan khai xe trên do anh mua lại rồi bán cho người tên L (không nhớ rõ lai lịch cụ thể), anh Khan không có yêu cầu gì. L khai mua lại xe trên có giấy tờ viết tay dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT ra Quyết định chuyển đến cơ quan thi hành án dân sự thành phố VT bảo quản, chờ xử lý;

- 01 (Một) đĩa DVD ghi nhận lại hình ảnh vụ trộm cắp tài sản mà Phan Hoàng L và Trần Thị Th H thực hiện vào ngày 11/11/2021, tại lối ra vào Lô A chung cư Copmart, Phường B, thành phố VT, kèm hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự trong vụ án:

- Chị Nguyễn Thị L sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu về việc bồi thường dân sự.

- Anh Nguyễn Phạm Tuấn A yêu cầu bồi thường dân sự với số tiền 5.200.000đ (Năm triệu hai trăm ngàn đồng).

- Anh Đặng Thành Ph yêu cầu bồi thường dân sự với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Ông Bùi Ngọc Th yêu cầu bồi thường dân sự với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Anh Hà Văn Th1 yêu cầu bồi thường dân sự với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Chị Nguyễn Thị B yêu cầu bồi thường dân sự với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)

- Anh Lê Minh Gi yêu cầu bồi thường dân sự với số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Ông Hà Văn N yêu cầu bồi thường dân sự với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 14-4-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT truy tố Phan Hoàng L và Trần Thị Th H về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, b Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về Trách nhiệm Hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Phan Hoàng L và Trần Thị Th H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: điểm a, b Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt: bị cáo Phan Hoàng L từ 04 (Bốn) năm tù đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù; bị cáo Trần Thị Th H từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 04 (Bốn) năm tù.

+ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 (Một) chiếc xe máy hiệu Mio màu đen biển số: 72K8-5974, số khung: RLCM5WP906Y008552, số máy: 5WP9-008552

Hai bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận:

Từ ngày 04/7/2021 đến ngày 10/01/2022, tại khuôn viên của các chung cư trên địa bàn thành phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Phan Hoàng L và Trần Thị Th H đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản là xe máy của các bị hại, gồm: chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Phạm Tuấn A, anh Đặng Thành Ph, ông Bùi Ngọc Th, anh Hà Văn Th1 và chị Nguyễn Thị B, có tổng trị giá là 27.300.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, ba trăm ngàn đồng). Theo giá trị định giá, vụ nhiều nhất là 11.300.000 đồng, vụ ít nhất là 2.500.000 đồng.

Các vụ hai bị cáo cùng thực hiện chiếm đoạt tài sản của bị hại có tính chất đồng phạm, giữa hai bị cáo có sự bàn bạc, câu kết nhau chặt chẽ, phân công nhau rõ ràng nên vụ án hai bị cáo thực hiện là đồng phạm có tổ chức.

Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "*Có tổ chức*" và "*Có tính chất chuyên nghiệp*" theo điểm a, b Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT.

[3] Tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã

hội tại địa pH, gây tâm lý bức xúc cho nhân dân trong cộng đồng dân cư. Các bị cáo là người đã trưởng thành nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo L là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt tù nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Bị cáo H là người cảnh giới. Vì vậy, bị cáo L phải chịu mức phạt cao hơn bị cáo H.

[4] Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã hơn 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

[5] Về Trách nhiệm Dân sự:

[5.1] Bị hại là chị Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[5.2]

- Bị hại là anh Nguyễn Phạm Tuấn A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là một chiếc xe máy hiệu Honda AirBlade biển số 72D1-037.18, anh Tuấn A không có yêu cầu gì đối với chiếc xe máy này. Anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 5.200.000đ (Năm triệu hai trăm ngàn đồng) đối với tài sản bị các bị cáo đã chiếm đoạt mà chưa thu hồi được là 02 loa Bluetooth.

- Các bị hại là anh Đặng Thành Ph, ông Bùi Ngọc Th, anh Hà Văn Th1, chị Nguyễn Thị B yêu cầu các bị cáo bồi thường, cụ thể như sau:

Anh Ph yêu cầu bồi thường 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ông Th yêu cầu bồi thường 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Anh Th1 yêu cầu bồi thường 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Chị B yêu cầu bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Văn N, anh Lê Minh Gi khi cầm và mua xe máy của hai bị cáo không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Ông N và anh Gi đã tự nguyện giao nộp các xe máy này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Nay, ông N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền mà ông N đã trả cho các bị cáo khi cầm xe là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); anh Gi yêu cầu các bị cáo bồi thường cho anh số tiền đã trả khi mua xe là 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng.)

Hai bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan và thống nhất mỗi bị cáo bồi thường ½ tổng số tiền phải bồi thường.

Xét, yêu cầu của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là hợp pháp và việc các bị cáo đồng ý bồi thường là tự nguyện, không vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, bị cáo L và bị cáo H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau:

Anh Tuấn A số tiền 5.200.000đ (Năm triệu hai trăm ngàn đồng)

Anh Ph số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ông Th số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Anh Th1 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Chị B số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Ông N số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)

Anh Gi số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng)

Tổng cộng: 51.900.000đ (Năm mươi mốt triệu chín trăm ngàn đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 25.950.000đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (Một) chiếc xe máy hiệu Mio màu đen biển số: 72K8-5974, số khung: RLCM5WP906Y008552, số máy: 5WP9-008552 thu giữ của bị cáo L. Bị cáo L là chủ sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe trên. Xét, các bị cáo đã sử dụng chiếc xe máy trên làm phương tiện để phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với 02 vụ trộm các bị cáo thực hiện vào ngày 15/01/2022 và ngày 31/01/2022 tại phường ThT và phường B thành phố VT, do Hội đồng định giá tài sản từ chối định giá, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm tang vật để định giá xử lý sau nên không xem xét.

Đối với 01 vụ trộm do một mình bị cáo L thực hiện vào khoảng tháng 4/2021 tại phường B, thành phố VT và 01 vụ trộm do cả hai bị cáo thực hiện vào khoảng tháng 12/2021 tại phường NAN, thành phố VT. Do chưa xác định được bị hại, chưa làm rõ được tài sản chiếm đoạt nên chưa có căn cứ xử lý, cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên không xem xét.

Đối với người đàn ông tên Định là người mua xe mà các bị cáo đã trộm cắp được, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau nên không xem xét.

Đối với ông Hà Văn N và anh Lê Minh Gi, là người cầm và mua xe của L và H. Khi cầm và mua tài sản, cả hai đều không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với ông N và anh Gi là có căn cứ.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm Hình sự:

Tuyên bố: bị cáo Phan Hoàng L và Trần Thị Th H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ: điểm a, b Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Hoàng L **04 (Bốn) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 02 năm 2022.

- Căn cứ: điểm a, b Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Th H **03 (Ba) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 02 năm 2022.

2**. Về trách nhiệm Dân sự:** Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 587 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo L và bị cáo H phải liên đới bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho anh Nguyễn Phạm Tuấn A số tiền 5.200.000đ (*Năm triệu hai trăm ngàn đồng*).
- Bồi thường cho anh Đặng Thành Ph số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).
- Bồi thường cho ông Bùi Ngọc Th số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).
- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị B số tiền 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng).*
- Bồi thường cho anh Hà Văn Th1 số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng).*
- Bồi thường cho ông Hà Văn N số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*)
- Bồi thường cho anh Lê Minh Gi số tiền 5.700.000đ (*Năm triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Tổng cộng là **51.900.000đ** (Năm mươi mốt triệu chín trăm ngàn đồng). Mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường **25.950.000đ** (Hai mươi lăm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả những khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 (Một) chiếc xe máy hiệu Mio màu đen biển số: 72K8-5974, số khung: RLCM5WP906Y008552, số máy: 5WP9-008552

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT theo Biên bản giao nhận vật chứng số 144/BB.THA ngày 29 tháng 4 năm 2021).

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

4.1. Án phí Hình sự: Bị cáo L và bị cáo H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng)*.

4.2. Án phí Dân sự: Bị cáo L và bị cáo H, mỗi bị cáo phải nộp 1.297.000đ (*Một triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn đồng)*.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại,người có quyền lợi, nghĩa vụ L quancó quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án (đối với người có mặt tại phiên tòa); tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (đối với người vắng mặt tại phiên tòa), để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06, PC10);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố VT;
- Công an thành phố VT;
- Thi hành án dân sự thành phố VT;
- Nhà tạm giữ Công an tp. Vũng Tàu, t. BR - VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh